

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau

NẮNG ẤM SÂN TRƯỜNG

Nguyễn Liên Châu

*Cây diệp già xoè rộng tán yêu thương
Lá lấp lánh cười duyên cùng bóng nắng
Giờ đang học, mảng sân vuông vắng lặng
Chim chuyền cành buông tiếng lạnh băng quơ*

*Chúng em ngồi nghe thầy giảng bình thơ
Nắng ghé theo chòm lên ngồi bệ cửa
Và cả gió cũng biết mê thơ nữa
Thổi thoảng vào mát ngọt giọng thầy ngâm.*

*Cả lớp say sưa theo từng nhịp bóng trâm
Diệp từng bông vàng ngây rơi xoay tít
Ngây vấn xuân, chim từng đôi riu rít
Sà xuống sân tắm nắng ấm màu xanh*

*Em ngồi yên uống suối mát trong lành
Thời gian như dừng trôi không bước nữa
Không gian cũng nằm yên không dám cựa
Ngại ngoài kia nắng ấm sẽ thổi vàng*

*Sân trường căng rộng ngực đến thênh thang
Kiêu hãnh khoe trên mình màu nắng ấm
Lời thơ thầy vẫn nhịp nhàng sâu lắng
Nắng ấm hơn nhờ giọng ấm của thầy...*

(Trích *Văn học tuổi trẻ*, số tháng 9 năm 2023, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.71)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,75 điểm). Xác định cách gieo vần trong bài thơ.

Câu 2 (0,75 điểm). Bài thơ là lời của ai, bộc lộ cảm xúc về điều gì?

Câu 3 (0,5 điểm). Liệt kê những từ láy có trong bài thơ.

Câu 4 (0,75 điểm). Trình bày hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong đoạn thơ:

*Chúng em ngồi nghe thầy giảng bình thơ
Nắng ghé theo chòm lên ngôi bệ cửa
Và cả gió cũng biết mê thơ nữa
Thổi thoảng vào mát ngọt giọng thầy ngâm*

Câu 5 (0,75 điểm). Em hiểu như thế nào về hai dòng thơ sau:

*“Em ngồi yên uống suối mát trong lành
Thời gian như dòng trôi không bước nữa”?*

Câu 6 (0,5 điểm). Bài thơ *Nắng ắm sân trường* của Nguyễn Liên Châu đã khơi gợi trong em những tình cảm gì?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ của em về đoạn thơ:

*Cả lớp say sưa theo từng nhịp bóng trâm
Điệp từng bông vàng ngây roi xoay tít
Ngày vẫn xuân, chim từng đôi ríu rít
Sà xuống sân tắm nắng ắm màu xanh*

(Trích *Nắng ắm sân trường*, Nguyễn Liên Châu, *Văn học tuổi trẻ*, số tháng 9 năm 2023, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.71)

Câu 2 (4,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Mạng xã hội là con dao hai lưỡi.*

Viết bài văn nghị luận bàn về mặt trái của việc sử dụng mạng xã hội và đề xuất giải pháp giúp các bạn học sinh sử dụng mạng xã hội hiệu quả.

---HẾT---

Họ và tên thí sinh:
Họ tên, chữ kí GT 1:

Số báo danh:
Họ tên, chữ kí GT 2:

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN GIAO THỦY

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Ngữ văn lớp 9 THCS

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Đề khảo sát gồm: 02 trang

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Cách gieo vần trong bài thơ: Gieo vần chân, vần liền: <i>nắng - lặng; cửa - nữa; tí - rít; nữa - cựa; ấm - lảng.</i> Hướng dẫn chấm: + Trả lời vần chân, vần liền và nêu 2 minh chứng trở lên: 0,75 điểm + Trả lời đúng cách gieo vần nhưng không chỉ ra minh chứng: 0,5 điểm + Trả lời vần chân/vần liền/ minh chứng: 0,25 điểm	0,75
	2	- Bài thơ là lời của: nhân vật “em”/ nhân vật trữ tình “em”/ “em”/ người học trò. - Bài thơ bộc lộ cảm xúc của “em” về lời giảng bình thơ của thầy/ lời đọc thơ/ lời giảng bài của thầy giáo dạy Văn.	0,5 0,25
	3	Những từ láy có trong bài thơ: <i>lấp lánh, say sưa, riu rít, thênh thang, nhịp nhàng.</i> Hướng dẫn chấm: + Trả lời đúng 4 từ láy trở lên như đáp án: 0,5 điểm; + Trả lời đúng 2-3 từ láy như đáp án: 0,25 điểm; + Trả lời đúng một từ láy như đáp án: 0,25 điểm; + Trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	4	Hiệu quả của biện pháp nhân hóa được sử dụng trong đoạn thơ là: - Biện pháp nhân hoá: <i>Nắng - ghé theo, chồm lên ngồi bệ cửa; Gió - biết mê thơ nữa.</i> - Hiệu quả: + Giúp cách diễn đạt trở lên giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm, sinh động, hấp dẫn. + Nhấn mạnh sự lôi cuốn, hấp dẫn trong lời giảng bình thơ của người thầy: lời bình giảng khiến thiên nhiên vạn vật bên ngoài lớp học cũng bị cuốn theo, say sưa, ngây ngất. + Thể hiện tình cảm trân trọng, ngợi ca, biết ơn của nhân vật trữ tình đối với những lời thầy dạy. Hướng dẫn chấm: + Chỉ đúng dấu hiệu nhân hoá: 0,25 điểm. + Trả lời đúng 3 tác dụng như đáp án: 0,5 điểm; trả lời đúng 1 đến 2 tác dụng như đáp án cho 0,25 điểm.	0,75

		* <u>Lưu ý</u> : Nếu thí sinh có cách diễn đạt khác nhưng đảm bảo đủ ý, đúng bản chất vấn đề vẫn cho điểm tối đa.	
	5.	Cách hiểu về hai dòng thơ sau: <i>Em ngồi yên uống suối mật trong lành</i> <i>Thời gian như dừng trôi không bước nữa</i> - Nhân vật trữ tình “em”- những người học trò ngồi lặng yên, say sưa nghe lời bình giảng thơ của thầy, như <i>uống suối mật trong lành</i>, cảm nhận thấm thía ý nghĩa đẹp đẽ của những lời thơ, lời giảng. - Thời gian khi đó cũng như ngưng đọng lại trong những lời giảng của thầy. - Thể hiện sự trân trọng, thấu hiểu, đề cao ý nghĩa tốt đẹp, giá trị giáo dục của những lời giảng bình thơ và tình cảm biết ơn, kính trọng với người thầy của mình. Hướng dẫn chấm: Mỗi ý trả lời đúng như đáp án: 0,25 điểm * <u>Lưu ý</u>: Nếu thí sinh có cách diễn đạt khác nhưng đảm bảo đủ ý, đúng bản chất vấn đề vẫn cho điểm tối đa.	0,75
	6.	Bài thơ <i>Nắng ấm sân trường</i> của Nguyễn Liên Châu đã khơi gợi trong em những tình cảm: - Trân trọng, biết ơn, kính yêu người Thầy của mình. - Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà thơ ca mang đến cho con người. - Yêu mến, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên. - Yêu mến mái trường tuổi thơ. - Trân trọng những ngày tháng được cắp sách tới trường. - ... Hướng dẫn chấm: + <i>Nêu được 2 tình cảm hợp lý trở lên: 0,5 điểm</i> + <i>Nêu được 1 tình cảm hợp lý: 0,25 điểm.</i>	0,5
II		VIẾT	4,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ của em về đoạn thơ: <i>Cả lớp say sưa theo từng nhịp bồng trằm</i> <i>Điệp từng bông vàng ngậy rơi xoay tít</i> <i>Ngày vẫn xuân, chim từng đôi riu rít</i> <i>Sà xuống sân tắm nắng ấm màu xanh</i> (Trích <i>Nắng ấm sân trường</i>, Nguyễn Liên Châu, <i>Văn học tuổi trẻ</i>, số tháng 9 năm 2023, NXB Giáo dục Việt Nam, tr.71)	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Bảo đảm yêu cầu về hình thức đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, ...	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề: Cảm nghĩ về đoạn thơ</i>	0,25

		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> HS lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp. Có thể như sau: - Giới thiệu đoạn thơ và nêu cảm xúc chung của cá nhân về đoạn thơ. - Nêu cảm nghĩ về nội dung của đoạn thơ: Niềm say sưa ngây ngất của học trò trước lời giảng bình thơ của thầy giáo và thiên nhiên vạn vật trong sân trường cũng hoà theo niềm vui học tập; niềm xúc động khi hiểu và cảm nhận được những tình cảm của nhân vật em- người học trò. Từ đó, đánh thức ở người đọc sự trân trọng những lời giảng của thầy cô, niềm yêu thích với môn học Ngữ văn... - Nêu cảm nghĩ về nghệ thuật của đoạn thơ: Trân trọng tài năng nghệ thuật của nhà thơ trong việc sử dụng hình ảnh, biện pháp tu từ,... đặc biệt là thể thơ tám chữ; nhận thấy được vai trò của các yếu tố nghệ thuật đó trong việc thể hiện nội dung đoạn thơ. - Khái quát cảm nghĩ về đoạn thơ.	1,0
		<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện cảm nghĩ sâu sắc về đoạn thơ, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Có ý kiến cho rằng: <i>Mạng xã hội là con dao hai lưỡi.</i> Viết bài văn nghị luận bàn về mặt trái của việc sử dụng mạng xã hội và đề xuất giải pháp giúp các bạn học sinh sử dụng mạng xã hội hiệu quả.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> mặt trái của việc sử dụng mạng xã hội và đề xuất giải pháp giúp các bạn học sinh sử dụng mạng xã hội hiệu quả.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lý ba phần của bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Mặt trái của việc sử dụng mạng xã hội và đề xuất giải pháp giúp các bạn học sinh sử dụng mạng xã hội hiệu quả * Thân bài: a. Giải thích: - Mạng xã hội là một khái niệm chỉ các nền tảng trực tuyến và ứng dụng mà cho phép người dùng tạo ra, chia sẻ, và tương tác với nội dung, thông tin, và nhau thông qua Internet. - Mặt trái của mạng xã hội là đề cập tới những nguy cơ, tác hại của mạng xã hội đối với con người.	2,5

	b. Bàn luận: - Thực trạng: Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia sử dụng mạng xã hội nhiều nhất trên thế giới. Đặc biệt đối tượng thường xuyên sử dụng mạng xã hội chính là các bạn trẻ... - Nguyên nhân của vấn đề: + Các bạn trẻ thường có xu hướng sử dụng mạng xã hội để theo kịp bạn bè, không muốn bị bỏ lại phía sau. + Nhiều người chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để sử dụng mạng xã hội một cách an toàn và hiệu quả; chưa nhận thức được tính hai mặt của mạng xã hội, chưa lường hết hậu quả mạng xã hội có thể mang lại. + Sự hấp dẫn và tiện ích của mạng xã hội: tính giải trí cao, thông tin đa dạng và tính năng tương tác cao. + Gia đình thiếu sự quan tâm, quản lý chặt chẽ hoặc quá nuông chiều, tin tưởng con cái. + Các cơ quan chức năng quản lý mạng xã hội không có sự quy định chặt chẽ về độ tuổi hoặc thời gian sử dụng mạng. + ... - Hậu quả: + Ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần: Sử dụng mạng xã hội quá nhiều có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe như cận thị, béo phì, mất ngủ, lo âu, trầm cảm. + Giảm sút kết quả học tập: Mạng xã hội có thể làm học sinh sao nhãng việc học, giảm khả năng tập trung và ghi nhớ. + Nguy cơ bị lừa đảo, xâm hại: Dễ bị đánh cắp thông tin cá nhân, trở thành nạn nhân của các hình thức lừa đảo, xâm hại tình dục, bạo lực mạng... + Dễ sa đà vào thế giới ảo mà xa rời thế giới thực... + ... - Đối thoại ý kiến trái chiều: + Ý kiến trái chiều: Một số người cho rằng mạng xã hội là một công cụ hữu ích để học sinh kết nối, học tập và giải trí. Việc cấm đoán hoặc hạn chế sử dụng mạng xã hội là không cần thiết và không khả thi. + Phản biện: Mạng xã hội có thể mang lại nhiều lợi ích, nhưng nếu không được sử dụng một cách thông minh, nó sẽ trở thành con dao hai lưỡi. Việc trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn và hiệu quả là cần thiết để giúp các bạn tận dụng được những lợi ích của mạng xã hội và tránh xa những nguy cơ tiềm ẩn. c. Giải pháp cho sự việc: - Học sinh - chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng mạng xã hội thông minh: + Nhận thức đúng đắn về tính hai mặt của mạng xã hội... + Xác định mục tiêu sử dụng mạng xã hội... + Lựa chọn thông tin một cách cẩn trọng... + Bảo vệ thông tin cá nhân... + Xây dựng mối quan hệ lành mạnh trên mạng xã hội...	
--	--	--

	- Gia đình, nhà trường: Cha mẹ, người thân trong gia đình, nhà trường cần hướng dẫn con cái, học sinh có nhận thức đúng đắn về mạng xã hội, biết cách bảo vệ bản thân trên không gian mạng... - Cơ quan chức năng: Cần có giải pháp thiết thực để quản lí, xử lí những vi phạm trên mạng xã hội, tạo không gian mạng an toàn; ... - ... Lưu ý: Ở phần giải pháp, HS cần phân tích, làm rõ tính khả thi của giải pháp bằng lí lẽ và bằng chứng xác thực; HS có thể đề xuất khoảng 2- 3 giải pháp hợp lí, thuyết phục. d. Bài học: - Nhận thức đúng đắn về tính hai mặt của mạng xã hội. - Bản thân có cách bảo vệ mình trên không gian mạng, để mạng xã hội thực sự là công cụ hữu ích cho con người thay vì biến mình thành nô lệ của nó. * Kết bài: - Khẳng định tầm quan trọng của việc tự học và rút ra bài học nhận thức, hành động cho các bạn trẻ, cho bản thân.	
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	* Cách cho điểm: - Điểm từ 3,25- 4,0: Đảm bảo tốt các yêu cầu trên, vận dụng các thao tác lập luận chặt chẽ, thuyết phục; văn viết mạch lạc, cảm xúc, có hình ảnh; không mắc lỗi chính tả, diễn đạt. - Điểm từ 2,5- 3,0: Đảm bảo tương đối đầy đủ hoặc chưa thật đầy đủ các yêu cầu nêu trên nhưng có ý sâu sắc; vận dụng các thao tác lập luận tương đối chặt chẽ. Còn mắc một số lỗi chính tả, diễn đạt. - Điểm từ 1,5- 2,25: Đảm bảo cơ bản các yêu cầu trên; lập luận chưa thật thuyết phục. Mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt. - Điểm 0,25- 1,25: Đảm bảo các yêu cầu trên ở mức độ sơ sài, chưa biết lập luận; chưa biết đánh giá; hành văn còn lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả, diễn đạt. - Điểm 0,0: Không làm bài.	
ĐIỂM TOÀN BÀI THI I + II = 10,0 điểm		